

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110902903 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/10/2026 Giờ thi: 08 Phòng thi: A12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100004	Nguyễn Trần Quang Bình	05/09/2007	C27QT1		7,1	bảy, một	
2	2510100022	Nguyễn Minh Hải	15/05/2007	C27QT1		6,7	sáu, bảy	
3	2510100012	Lê Nguyễn Kim Hằng	01/07/2007	C27QT1		7,9	bảy, chín	
4	2510100029	Lê Thị Trung Hậu	17/06/2006	C27QT1		6,7	sáu, bảy	
5	2510100024	Lê Thị Cẩm Hoa	16/03/2007	C27QT1		8,9	tám, chín	
6	2510100056	Lê Quốc Huy	22/05/2006	C27QT1		8,5	tám năm	
7	2510100007	Trần Thanh Huỳnh	02/09/2007	C27QT1		8,8	tám, tám	
8	2510100025	Đặng Văn Hùng	28/05/2007	C27QT1		7,8	bảy, tám	
9	2510100014	Nguyễn Vũ Khang	12/07/2007	C27QT1		8,3	tám, ba	
10	2510100019	Võ Thanh Lâm	24/02/2007	C27QT1		6,3	sáu, ba	
11	2510100017	Võ Điền Lộc	03/10/2004	C27QT1				
12	2510100026	Cao Lê Khánh Ly	29/10/2007	C27QT1		7,8	bảy, tám	
13	2510100002	Nguyễn Diễm My	21/09/2005	C27QT1		8,4	tám, bốn	
14	2510100011	Lê Ngọc Nga	26/09/2007	C27QT1		8,0	tám, không	
15	2510100010	Phạm Khắc Nguyên	05/12/2007	C27QT1		8,8	tám, tám	
16	2510100030	Mai Thúy Phượng	12/01/2007	C27QT1		6,8	sáu, tám	
17	2510100013	Võ Quỳnh Phương	08/06/2007	C27QT1		7,7	bảy, bảy	
18	2510100028	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	26/08/2007	C27QT1		8,8	tám, tám	
19	2510100008	Nguyễn Quán Thành	05/03/2006	C27QT1		7,5	bảy, năm	
20	2510100020	Ngô Minh Thi	29/11/2007	C27QT1		9,3	chín, ba	
21	2510100021	Nguyễn Thị Hồng Thu	13/03/2007	C27QT1		7,9	bảy, chín	
22	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/10/2007	C27QT1		7,7	bảy, bảy	
23	2510100032	Nguyễn Minh Tiên	07/03/2007	C27QT1		5,6	năm, sáu	
24	2510100006	Cao Thùy Trang	28/02/2004	C27QT1		7,5	bảy, năm	
25	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	C27QT1		7,7	bảy, bảy	
26	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	C27QT1		7,5	bảy, năm	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2510100001	Nguyễn Trung	Trúc	15/02/2005	C27QT1				
28	2510100031	Đinh Thị Cẩm	Tú	28/04/2007	C27QT1	<i>Cẩm Tú</i>	7,9	bảy, chín	
29	2510100033	Nguyễn Kiến	Văn	21/10/2006	C27QT1	<i>Nguyễn Kiến</i>	8,0	tám, không	
30	2510100005	Vũ Hà	Vân	12/03/2005	C27QT1	<i>Vũ Hà</i>	8,4	tám, bốn	
31	2510100023	Huỳnh Khánh	Vy	16/12/2007	C27QT1	<i>Vy</i>	6,9	sáu, chín	
32	2510100003	Nguyễn Thị Kiều	Vy	12/09/2007	C27QT1	<i>Nguyễn Thị Kiều</i>	7,9	bảy, chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 02 . Số bài thi: 30 / 32 .

Ngày 16 tháng 2 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quynh Hằng

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

GIÁNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thuyên Giỏi Huy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/01/2026 Giờ thi: 08 Phòng thi: A12

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100004	Nguyễn Trần Quảng Bình	05/09/2007	C27QT1	<i>Bình</i>	7,6	bảy sáu	
2	2510100022	Nguyễn Minh Hải	15/05/2007	C27QT1	<i>Minh</i>	8,2	tám hai	
3	2510100012	Lê Nguyễn Kim Hằng	01/07/2007	C27QT1	<i>Kim</i>	8,0	tám	
4	2510100029	Lê Thị Trung Hậu	17/06/2006	C27QT1	<i>Hậu</i>	7,8	bảy tám	
5	2510100024	Lê Thị Cẩm Hoa	16/03/2007	C27QT1	<i>Hoa</i>	8,0	tám	
6	2510100056	Lê Quốc Huy	22/05/2006	C27QT1	<i>Quốc</i>	7,8	bảy tám	
7	2510100007	Trần Thanh Huỳnh	02/09/2007	C27QT1	<i>Thanh</i>	8,2	tám hai	
8	2510100025	Đặng Văn Hùng	28/05/2007	C27QT1	<i>Hùng</i>	7,8	bảy tám	
9	2510100014	Nguyễn Vũ Khang	12/07/2007	C27QT1	<i>Khang</i>	6,5	sáu, năm	
10	2510100019	Võ Thanh Lâm	24/02/2007	C27QT1	<i>Lâm</i>	8,4	tám bốn	
11	2510100017	Võ Điền Lộc	03/10/2004	C27QT1				
12	2510100026	Cao Lê Khánh Ly	29/10/2007	C27QT1	<i>Ly</i>	5,0	năm	
13	2510100002	Nguyễn Diễm My	21/09/2005	C27QT1	<i>My</i>	8,2	tám hai	
14	2510100011	Lê Ngọc Nga	26/09/2007	C27QT1	<i>Nga</i>	6,8	sáu tám	
15	2510100010	Phạm Khắc Nguyên	05/12/2007	C27QT1	<i>Nguyên</i>	9,0	chín	
16	2510100030	Mai Thúy Phượng	12/01/2007	C27QT1	<i>Phượng</i>	7,6	bảy sáu	
17	2510100013	Võ Quỳnh Phương	08/06/2007	C27QT1	<i>Quỳnh</i>	9,0	chín	
18	2510100028	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	26/08/2007	C27QT1	<i>Quỳnh</i>	7,6	bảy sáu	
19	2510100008	Nguyễn Quán Thành	05/03/2006	C27QT1	<i>Thành</i>	4,6	bốn sáu	
20	2510100020	Ngô Minh Thi	29/11/2007	C27QT1	<i>Thi</i>	7,2	bảy hai	
21	2510100021	Nguyễn Thị Hồng Thu	13/03/2007	C27QT1	<i>Thu</i>	8,2	tám hai	
22	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/10/2007	C27QT1	<i>Tiên</i>	6,2	sáu hai	
23	2510100032	Nguyễn Minh Tiên	07/03/2007	C27QT1	<i>Tiên</i>	6,4	sáu bốn	
24	2510100006	Cao Thùy Trang	28/02/2004	C27QT1	<i>Trang</i>	8,4	tám bốn	
25	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	C27QT1	<i>Trang</i>	9,0	chín	
26	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	C27QT1	<i>Trường</i>	8,6	tám sáu	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2510100001	Nguyễn Trung	Trực	15/02/2005	C27QT1				
28	2510100031	Đinh Thị Cẩm	Tú	28/04/2007	C27QT1	<i>Cẩm Tú</i>	6,6	Sáu sáu	
29	2510100033	Nguyễn Kiến	Văn	21/10/2006	C27QT1	<i>Ja</i>	7,8	bảy tám	
30	2510100005	Vũ Hà	Vân	12/03/2005	C27QT1	<i>VB</i>	8,6	tám sáu	
31	2510100023	Huỳnh Khánh	Vy	16/12/2007	C27QT1	<i>Vy</i>	4,5	bốn, năm	
32	2510100003	Nguyễn Thị Kiều	Vy	12/09/2007	C27QT1	<i>Ky</i>	8,6	tám sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 02 . Số bài thi: 30 / 32 .

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]



phạm anany long

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Huỳnh Gia Huy

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 28/01/2026 Giờ thi: 8 Phòng thi: A2

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	C27TA		8,8	tám, tám	
2	2510130009	Lê Nguyễn Hồng Anh	12/04/2007	C27TA		9,8	chín, tám	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	C27TA		8,2	tám, hai	
4	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	C27TA		9,9	chín, chín	
5	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	C27TA		8,3	tám, ba	
6	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007	C27TA		8,6	tám, sáu	
7	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	C27TA		7,1	bảy, một	
8	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007	C27TA		7,8	bảy, tám	
9	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	C27TA		9,2	chín, hai	
10	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	C27TA		9,2	chín, hai	
11	2510130003	Đào Ý Nhi	16/12/2007	C27TA				
12	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007	C27TA		9,1	chín, một	
13	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	C27TA		8,5	tám, năm	
14	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	C27TA		8,9	tám, chín	
15	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007	C27TA				
16	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	C27TA		8,2	tám, hai	
17	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	C27TA		9,7	chín, bảy	
18	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	C27TA		9,6	chín, sáu	
19	2510130011	Lê Trần Minh Thư	13/11/2006	C27TA		8,9	tám, chín	
20	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	C27TA		9,6	chín, sáu	
21	2510130021	Mai Đức Trung	05/12/2002	C27TA		8,9	tám, chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 21 vắng thi: 02 Số bài thi: 19 / 21

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Quang Cường

Huỳnh Gia Huy

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Ngày thi: 28/11/2026 Giờ thi: 08 Phòng thi: A 12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	C27TA		9,6	chín sáu	
2	2510130009	Lê Nguyễn Hồng Anh	12/04/2007	C27TA		8,2	tám hai	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	C27TA		9,4	chín bốn	
4	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	C27TA		8,8	tám tám	
5	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	C27TA		6,6	sáu sáu	
6	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007	C27TA		8,2	tám hai	
7	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	C27TA		6,4	sáu bốn	
8	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007	C27TA		9,0	chín	
9	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	C27TA		8,8	tám tám	
10	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	C27TA		7,8	bảy tám	
11	2510130003	Đào Ý Nhi	16/12/2007	C27TA				
12	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007	C27TA		7,8	bảy tám	
13	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	C27TA		8,8	tám tám	
14	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	C27TA		8,6	tám sáu	
15	2510100018	Trần Tiến Phát	24/05/2007	C27TA				
16	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	C27TA		8,6	tám sáu	
17	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	C27TA		8,6	tám sáu	
18	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	C27TA		9,2	chín hai	
19	2510130011	Lê Trần Minh Thư	13/11/2006	C27TA		9,6	chín sáu	
20	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	C27TA		9,2	chín hai	
21	2510130021	Mại Đức Trung	05/12/2002	C27TA		7,6	bảy sáu	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 02 Số bài thi: 19 / 21

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 28 tháng 01 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Huỳnh Gia Huy



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Mã lớp học phần: 25211MH110902903 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Ngày thi: 28/10/2026 Giờ thi: 8 Phòng thi: A12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005	C27QT2	An	6,3	Sáu, ba	
2	2510100052	Huỳnh Nhã Yến Dung	20/06/2007	C27QT2	Dung	7,0	bảy, chong	
3	2510100054	Cao Minh Dương	29/12/2007	C27QT2	Minh	7,7	bảy, bảy	
4	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	C27QT2	Thạch	6,9	sáu, chín	
5	2510100058	Đoàn Khánh Hà	04/07/2007	C27QT2	Hà	6,3	Sáu, ba	
6	2510100059	Lê Nhật Hoàng	04/08/2006	C27QT2	Hoàng	4,7	bốn, bảy	
7	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2007	C27QT2	Khang	8,1	tám, một	
8	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	C27QT2	Lam	6,3	Sáu, ba	
9	2510100053	Võ Hoàng Gia Lâm	30/10/2007	C27QT2	Quang	7,5	bảy, năm	
10	2510100049	Hồ Thị Yến Linh	17/12/2007	C27QT2	Linh	9,0	chín, chong	
11	2510100057	Nguyễn Trúc Linh	25/10/2007	C27QT2	Linh	7,7	bảy, một	
12	2510100045	Phan Đặng Gia Linh	28/02/2007	C27QT2	Linh	7,6	bảy, sáu	
13	2510100055	Tạ Huỳnh Lý	15/04/2006	C27QT2				
14	2510100051	Cao Ngọc Xuân Nghi	03/12/2007	C27QT2	Xuan	8,5	tám, năm	
15	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	C27QT2	Ngoc	7,5	bảy, năm	
16	2510100048	Nguyễn Văn Hải Phong	15/07/2007	C27QT2	Phong	7,7	bảy, bảy	
17	2510100037	Nguyễn Lê Anh Thư	09/02/2006	C27QT2				
18	2510100044	Trịnh Thị Hoài Thư	18/06/2006	C27QT2	Tha	9,4	chín, bốn	
19	2510100061	Lê Thị Quỳnh Trang	23/02/1999	C27QT2				
20	2510100047	Phan Nguyễn Bích Trâm	01/11/2007	C27QT2	Tram	6,1	Sáu, một	
21	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	C27QT2	Vinh	8,0	tám, chong	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 21 vắng thi: 03 Số bài thi: 18 / 21

Ngày: 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 28 tháng 01 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Loan

Huỳnh Gia Huy

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy - (05045)

Ngày thi: 28/01/2026 Giờ thi: 08 Phòng thi: A12

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005	C27QT2	An	7,8	bảy tám	
2	2510100052	Huỳnh Nhã Yến Dung	20/06/2007	C27QT2	Dung	7,6	bảy sáu	
3	2510100054	Cao Minh Dương	29/12/2007	C27QT2	Dương	5,2	năm hai	
4	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	C27QT2	Dương	6,0	sáu	
5	2510100058	Đoàn Khánh Hà	04/07/2007	C27QT2	Hà	6,4	sáu bốn	
6	2510100059	Lê Nhật Hoàng	04/08/2006	C27QT2	Hoàng	7,0	bảy	
7	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2007	C27QT2	Khang	5,2	năm hai	
8	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	C27QT2	Lam	6,8	sáu tám	
9	2510100053	Võ Hoàng Gia Lâm	30/10/2007	C27QT2	Lâm	7,8	bảy tám	
10	2510100049	Hồ Thị Yến Linh	17/12/2007	C27QT2	Linh	8,2	tám hai	
11	2510100057	Nguyễn Trúc Linh	25/10/2007	C27QT2	Linh	8,0	tám	
12	2510100045	Phan Đặng Gia Linh	28/02/2007	C27QT2	Linh	8,0	tám	
13	2510100055	Tạ Huỳnh Lý	15/04/2006	C27QT2				
14	2510100051	Cao Ngọc Xuân Nghi	03/12/2007	C27QT2	Nghi	8,6	tám sáu	
15	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	C27QT2	Ngọc	7,4	bảy bốn	
16	2510100048	Nguyễn Văn Hải Phong	15/07/2007	C27QT2	Phong	7,2	bảy hai	
17	2510100037	Nguyễn Lê Anh Thư	09/02/2006	C27QT2				
18	2510100044	Trịnh Thị Hoài Thư	18/06/2006	C27QT2	Thư	8,4	tám bốn	
19	2510100061	Lê Thị Quỳnh Trang	23/02/1999	C27QT2				
20	2510100047	Phan Nguyễn Bích Trâm	01/11/2007	C27QT2	Trâm	8,4	tám bốn	
21	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	C27QT2	Vinh	9,2	chín hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 03 Số bài thi: 18 / 21

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Loan

Ngày 28 tháng 1 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Huỳnh Gia Huy

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & ^{HEPZA} ^{OTDN}
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Giám thị 1: Trần Thị Hoa

Ký tên: Trần Thị Hoa

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Châu Lê Sơn

Ký tên: Châu Lê Sơn

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 31/03/2026

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	<u>Anh</u>		10	mười	C27TA	
2	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/02/2006	<u>Ân</u>		7,8	bảy tám	C27QT2	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	<u>Bảo</u>		9,2	chín hai	C27TA	
4	2510100004	Nguyễn Trần Quang Bình	05/09/2007	<u>Bình</u>		7,0	bảy không	C27QT1	
5	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	<u>Chung</u>		8,8	tám tám	C27TA	
6	2510100052	Huỳnh Nhã Yến Dung	20/06/2007	<u>Dung</u>		6,0	sáu không	C27QT2	
7	2510100054	Cao Minh Dương	29/12/2007	<u>Dương</u>		4,8	bốn tám	C27QT2	
8	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	<u>Dương</u>		4,2	bốn hai	C27QT2	
9	2510100058	Đoàn Khánh Hà	04/07/2007	<u>Hà</u>		5,0	năm, không	C27QT2	
10	2510100022	Nguyễn Minh Hải	15/05/2007	<u>Hải</u>		7,6	bảy sáu	C27QT1	
11	2510100012	Lê Nguyễn Kim Hằng	01/07/2007	<u>Hằng</u>		7,6	bảy sáu	C27QT1	
12	2510100029	Lê Thị Trung Hậu	17/06/2006	<u>Hậu</u>		5,8	năm tám	C27QT1	
13	2510100024	Lê Thị Cẩm Hoa	16/03/2007	<u>Hoa</u>		8,4	tám bốn	C27QT1	
14	2510100059	Lê Nhật Hoàng	04/08/2006	<u>Hoàng</u>		8,0	tám không	C27QT2	
15	2510100056	Lê Quốc Huy	22/05/2006	<u>Huy</u>		9,0	chín không	C27QT1	
16	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	<u>Huy</u>		5,4	năm bốn	C27TA	
17	2510100007	Trần Thanh Huỳnh	02/09/2007	<u>Huỳnh</u>		6,6	sáu sáu	C27QT1	
18	2510100025	Đặng Văn Hùng	28/05/2007	<u>Hùng</u>		5,4	năm bốn	C27QT1	
19	2510130010	Nguyễn Minh Đăng Kha	21/04/2007					C27TA	VT
20	2510100014	Nguyễn Vũ Khang	12/07/2007	<u>Khang</u>		5,8	năm tám	C27QT1	
21	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2007	<u>Khang</u>		8,0	tám không	C27QT2	
22	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	<u>Lam</u>		5,6	năm sáu	C27QT2	
23	2510100053	Võ Hoàng Gia Lâm	30/10/2007	<u>Lâm</u>		7,0	bảy không	C27QT2	
24	2510100019	Võ Thanh Lâm	24/02/2007	<u>Lâm</u>		6,2	sáu hai	C27QT1	
25	2510100049	Hồ Thị Yến Linh	17/12/2007	<u>Linh</u>		5,4	năm bốn	C27QT2	
26	2510100057	Nguyễn Trúc Linh	25/10/2007	<u>Linh</u>		6,4	sáu bốn	C27QT2	
27	2510100045	Phan Đặng Gia Linh	28/02/2007	<u>Linh</u>		8,0	tám không	C27QT2	
28	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	<u>Linh</u>		6,0	sáu không	C27TA	
29	2510130015	Lê Thanh Long	11/03/2007	<u>Long</u>		8,8	tám tám	C27TA	
30	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	<u>My</u>		9,0	chín không	C27TA	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
31	2510100002	Nguyễn Diễm My	21/09/2005			5,8	nam tam	C27QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

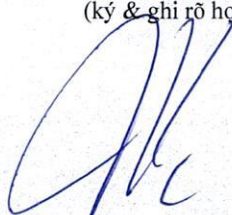
Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 30 / _____.

Số sinh viên đạt: 30 Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày. 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

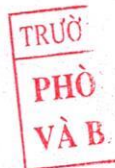

Phạm Quang Cường

Ngày. 9 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Thuyên Cúc Hany



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: EKI67C

Thời gian thi: 31/03/2026 07:45:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2026 08:45:00

Giám thị 1: Trần Thị Hương Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 2: Châu Lê Sơn Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510100036	Nguyễn Trần Trọng Ân	22/07/2005	<u>An</u>	7.8	Bảy, tám	C27QT2	
2	2510130018	Châu Tuấn Anh	16/11/2007	<u>Anh</u>	10	Mười	C27TA	
3	2510130008	Nguyễn Hoài Nguyên Bảo	28/10/2007	<u>Bảo</u>	9.2	Chín, hai	C27TA	
4	2510100004	Nguyễn Trần Quảng Bình	05/09/2007	<u>Bình</u>	7	Bảy	C27QT1	
5	2510130002	Trần Thị Kim Chung	18/06/2007	<u>Chung</u>	8.8	Tám, tám	C27TA	
6	2510100052	Huỳnh Nhã Yến Dung	20/06/2007	<u>Dung</u>	6	Sáu	C27QT2	
7	2510100040	Thạch Thái Dương	07/10/2007	<u>Dương</u>	4.2	Bốn, hai	C27QT2	
8	2510100054	Cao Minh Dương	29/12/2007	<u>Dương</u>	4.8	Bốn, tám	C27QT2	
9	2510100058	Đoàn Khánh Hà	04/07/2007	<u>Hà</u>	5	Năm	C27QT2	
10	2510100022	Nguyễn Minh Hải	15/05/2007	<u>Hải</u>	7.6	Bảy, sáu	C27QT1	
11	2510100012	Lê Nguyễn Kim Hằng	01/07/2007	<u>Hằng</u>	7.6	Bảy, sáu	C27QT1	
12	2510100029	Lê Thị Trung Hậu	17/06/2006	<u>Hậu</u>	5.8	Năm, tám	C27QT1	
13	2510100024	Lê Thị Cẩm Hoa	16/03/2007	<u>Hoa</u>	8.4	Tám, bốn	C27QT1	
14	2510100059	Lê Nhật Hoàng	04/08/2006	<u>Hoàng</u>	8	Tám	C27QT2	
15	2510100025	Đặng Văn Hùng	28/05/2007	<u>Hùng</u>	5.4	Năm, bốn	C27QT1	
16	2510100056	Lê Quốc Huy	22/05/2006	<u>Huy</u>	9	Chín	C27QT1	
17	2510130017	Trần Đức Huy	06/06/2007	<u>Huy</u>	5.4	Năm, bốn	C27TA	
18	2510100007	Trần Thanh Huỳnh	02/09/2007	<u>Huỳnh</u>	6.6	Sáu, sáu	C27QT1	
19	2510100014	Nguyễn Vũ Khang	12/07/2007	<u>Khang</u>	5.8	Năm, tám	C27QT1	
20	2510100041	Trần Phúc An Khang	14/03/2007	<u>Khang</u>	8	Tám	C27QT2	
21	2510100038	Nguyễn Thị Trúc Lam	26/06/2007	<u>Lam</u>	5.6	Năm, sáu	C27QT2	
22	2510100053	Võ Hoàng Gia Lâm	30/10/2007	<u>Lâm</u>	7	Bảy	C27QT2	
23	2510100019	Võ Thanh Lâm	24/02/2007	<u>Lâm</u>	6.2	Sáu, hai	C27QT1	
24	2510100045	Phan Đặng Gia Linh	28/02/2007	<u>Linh</u>	8	Tám	C27QT2	
25	2510100049	Hồ Thị Yến Linh	17/12/2007	<u>Linh</u>	5.4	Năm, bốn	C27QT2	
26	2510100057	Nguyễn Trúc Linh	25/10/2007	<u>Linh</u>	6.4	Sáu, bốn	C27QT2	
27	2510130007	Phạm Thị Giao Linh	18/03/2006	<u>Linh</u>	6	Sáu	C27TA	
28	2510130015	Lê Thanh Long	03/11/2007	<u>Long</u>	8.8	Tám, tám	C27TA	
29	2510130016	Lê Ngọc Thảo My	23/04/2007	<u>My</u>	9	Chín	C27TA	
30	2510100002	Nguyễn Diễm My	21/09/2005	<u>My</u>	5.8	Năm, tám	C27QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 30

Số sinh viên đạt: 30

Ngày 13 tháng 4 năm 2026
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 9 tháng 4 năm 2026
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Gia Hưng

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109029

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: 25211MH110902903

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên: Huy

Giảng viên giảng dạy: Huỳnh Gia Huy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 31/03/2026

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510100011	Lê Ngọc Nga	26/09/2007	<u>Nga</u>		6,0	Sau, không	C27QT1	
2	2510100051	Cao Ngọc Xuân Nghi	03/12/2007					C27QT2	VT
3	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	<u>Ngoc</u>		6,4	Sau, bốn	C27TA	
4	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	<u>Ngoc</u>		7,8	bảy, tám	C27QT2	
5	2510100010	Phạm Khắc Nguyên	05/12/2007	<u>Nguyen</u>		8,4	tám, bốn	C27QT1	
6	2510130012	Lạc Mỹ Nhi	01/03/2007					C27TA	VT
7	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	<u>Nhu</u>		8,8	tám, tám	C27TA	
8	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	<u>Nhu</u>		5,8	năm, tám	C27TA	
9	2510100048	Nguyễn Văn Hải Phong	15/07/2007	<u>Phong</u>		6,2	Sáu, hai	C27QT2	
10	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	<u>Phuong</u>		9,6	chín, sáu	C27TA	
11	2510100030	Mai Thúy Phương	12/01/2007	<u>Phuong</u>		8,2	tám, hai	C27QT1	
12	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	<u>Quynh</u>		7,8	bảy, tám	C27TA	
13	2510100013	Võ Quỳnh Phương Uyên	08/06/2007	<u>Phuong</u>		9,2	chín, hai	C27QT1	
14	2510100028	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	26/08/2007	<u>Quynh</u>		6,8	Sáu, tám	C27QT1	
15	2510100008	Nguyễn Quán Thành	05/03/2006	<u>Thanh</u>		5,8	năm, tám	C27QT1	
16	2510100020	Ngô Minh Thi	29/11/2007	<u>Thi</u>		5,8	năm, tám	C27QT1	
17	2510100021	Nguyễn Thị Hồng Thu	13/03/2007	<u>Thu</u>		8,2	tám, hai	C27QT1	
18	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	<u>Thuy</u>		10	mười	C27TA	
19	2510100044	Trịnh Thị Hoài Thư	18/06/2006	<u>Thi</u>		3,0	ba, không	C27QT2	
20	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/10/2007	<u>Tien</u>		9,6	chín, sáu	C27QT1	
21	2510100032	Nguyễn Minh Tiên	07/03/2007	<u>Tien</u>		6,6	Sáu, sáu	C27QT1	
22	2510100006	Cao Thùy Trang	28/02/2004	<u>Trang</u>		8,4	tám, bốn	C27QT1	
23	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	<u>Trang</u>		8,2	tám, hai	C27QT1	
24	2510100047	Phan Nguyễn Bích Trâm	01/11/2007	<u>Tram</u>		7,2	bảy, hai	C27QT2	
25	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	<u>Tram</u>		9,4	chín, bốn	C27TA	
26	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	<u>Truong</u>		8,0	tám, không	C27QT1	
27	2510100031	Đinh Thị Cẩm Tú	28/04/2007	<u>Tu</u>		7,6	bảy, sáu	C27QT1	
28	2510100033	Nguyễn Kiến Văn	21/10/2006					C27QT1	VT
29	2510100005	Vũ Hà Văn	12/03/2005	<u>Van</u>		9,2	chín, hai	C27QT1	
30	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	<u>Vinh</u>		9,4	chín, bốn	C27QT2	
31	2510100023	Huỳnh Khánh Vy	16/12/2007	<u>Vy</u>		7,0	bảy, không	C27QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	2510100003	Nguyễn Thị Kiều Vy	12/09/2007			8,2	tám hai	C27QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 3 Số bài thi/Số tờ: 29 / .

Số sinh viên đạt: 28 Tỷ lệ đạt: %

Ngày 12 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Lâm

Ngày 9 tháng 4 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Huỳnh桂 Huy



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2025-2026

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: VVQG75

Thời gian thi: 31/03/2026 07:45:00

Thời gian kết thúc: 31/03/2026 08:45:00

Giám thị 1: Đường T. Ngọc Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: Lê Thanh Hằng Ký tên: Hằng

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2510100011	Lê Ngọc Nga	26/09/2007	<u>Nga</u>	6	Sáu	C27QT1	
2	2510100039	Trần Thị Bích Ngọc	14/12/2007	<u>Bích Ngọc</u>	7.8	Bảy, tám	C27QT2	
3	2510130004	Lê Thị Thanh Ngọc	25/12/2007	<u>Thanh Ngọc</u>	6.4	Sáu, bốn	C27TA	
4	2510100010	Phạm Khắc Nguyên	05/12/2007	<u>Nguyên</u>	8.4	Tám, bốn	C27QT1	
5	2510130001	Trần Vũ Quỳnh Như	25/04/2004	<u>Quỳnh Như</u>	5.8	Năm, tám	C27TA	
6	2510130019	Nguyễn Thị Quỳnh Như	10/10/2006	<u>Quỳnh Như</u>	8.8	Tám, tám	C27TA	
7	2510100048	Nguyễn Văn Hải Phong	15/07/2007	<u>Hải Phong</u>	6.2	Sáu, hai	C27QT2	
8	2510130005	Nguyễn Thanh Phương	31/08/2000	<u>Thanh Phương</u>	9.6	Chín, sáu	C27TA	
9	2510100030	Mai Thúy Phương	12/01/2007	<u>Thúy Phương</u>	8.2	Tám, hai	C27QT1	
10	2510130020	Trần Minh Quân	07/01/2006	<u>Minh Quân</u>	7.8	Bảy, tám	C27TA	
11	2510100013	Võ Quỳnh Phương Quyên	08/06/2007	<u>Quỳnh Phương Quyên</u>	9.2	Chín, hai	C27QT1	
12	2510100028	Võ Ngọc Diễm Quỳnh	26/08/2007	<u>Diễm Quỳnh</u>	6.8	Sáu, tám	C27QT1	
13	2510100008	Nguyễn Quán Thành	05/03/2006	<u>Quán Thành</u>	5.8	Năm, tám	C27QT1	
14	2510100020	Ngô Minh Thi	29/11/2007	<u>Minh Thi</u>	5.8	Năm, tám	C27QT1	
15	2510100021	Nguyễn Thị Hồng Thu	13/03/2007	<u>Hồng Thu</u>	8.2	Tám, hai	C27QT1	
16	2510100044	Trịnh Thị Hoài Thu	18/06/2006	<u>Hoài Thu</u>	3	Ba	C27QT2	
17	2510130014	Mai Phương Thúy	25/12/2007	<u>Phương Thúy</u>	10	Mười	C27TA	
18	2510100034	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	22/10/2007	<u>Cẩm Tiên</u>	9.6	Chín, sáu	C27QT1	
19	2510100032	Nguyễn Minh Tiền	07/03/2007	<u>Minh Tiền</u>	6.6	Sáu, sáu	C27QT1	
20	2510100047	Phan Nguyễn Bích Trâm	01/11/2007	<u>Bích Trâm</u>	7.2	Bảy, hai	C27QT2	
21	2510130006	Trần Bảo Trâm	09/12/2007	<u>Bảo Trâm</u>	9.4	Chín, bốn	C27TA	
22	2510100015	Phạm Ngọc Phương Trang	09/10/2007	<u>Ngọc Phương Trang</u>	8.2	Tám, hai	C27QT1	
23	2510100006	Cao Thùy Trang	28/02/2004	<u>Thùy Trang</u>	8.4	Tám, bốn	C27QT1	
24	2510100035	Lê Nguyễn Nhật Trường	22/10/2006	<u>Nhật Trường</u>	8	Tám	C27QT1	
25	2510100031	Đinh Thị Cẩm Tú	28/04/2007	<u>Cẩm Tú</u>	7.6	Bảy, sáu	C27QT1	
26	2510100005	Vũ Hà Vân	12/03/2005	<u>Hà Vân</u>	9.2	Chín, hai	C27QT1	
27	2510100042	Nguyễn Hồng Nhựt Vinh	29/09/2005	<u>Hồng Nhựt Vinh</u>	9.4	Chín, bốn	C27QT2	
28	2510100003	Nguyễn Thị Kiều Vy	12/09/2007	<u>Kiều Vy</u>	8.2	Tám, hai	C27QT1	
29	2510100023	Huỳnh Khánh Vy	16/12/2007	<u>Khánh Vy</u>	7	Bảy	C27QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 29

Số sinh viên đạt: 28

Ngày 13 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Nga

Ngày 9 tháng 4 năm 2026

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Gia Huy